



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01509

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

Tên sản phẩm : Gluten lúa mì (Vital Wheat Gluten)
Số lượng/ khối lượng : 800 bao/ 22.000 kg
Ngày sản xuất : 08/3/2025
Hãng, nước sản xuất : Dongguan Yihai Kerry Starch Co.,Ltd, China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 40375350 ngày 07/3/2025
Hóa đơn số : 90444046 ngày 23/3/2025
Vận đơn số : EGLV147500236724
Giấy đăng ký kiểm tra : 2027/HQ-GDK-TTKN ngày 28/3/2025
chất lượng (Mã hồ sơ BNNPTNT29250033804)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH KHOA KỸ SINH VẬT THĂNG
LONG HẢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B3-2.1, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa,
thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT,
Sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 30 /QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 09 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yên





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.01510

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận sản phẩm
phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:**

Tên sản phẩm : COMPOUND PREMIX C607 FOR FISH
Số lượng/ khối lượng : 700 bao/ 21.000 kg
Ngày sản xuất : 08/3/2025
Hãng, nước sản xuất : Guangdong Hiner Biotechnology Group Co., Ltd, China
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : HT20250306-SLHD ngày 06/3/2025
Hóa đơn số : SLHD-2503 ngày 13/3/2025
Vận đơn số : ANSVH845122584
Giấy đăng ký kiểm tra : 1885/HQ-GDK-TTKN ngày 25/03/2025
chất lượng (Mã hồ sơ BNNPTNT29250033632)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH KHOA KỸ SINH VẬT THĂNG
LONG HẢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B3-2.1, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa,
thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận
Số: 30 /QĐ-TTKN-CNKN
Ngày 09 tháng 4 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yên



Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN MÃ HÓA MẪU

1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):

Chỉ tiêu thử nghiệm	Cơ sở được đánh giá	Tên sản phẩm	Mã số mẫu/mã số nhận biết	Tên mẫu phân tích
As (vc) (mg/kg)	1. Công ty TNHH Khoa kỹ sinh vật Thăng Long Hải Dương 2. Số hồ sơ trên hệ thống BNNPTNT29250033804 3. Biên bản lấy mẫu số 33804-33632 ngày 02/4/2025	Gluten lúa mỳ (Vital Wheat Gluten)	33804	33804
Hg (mg/kg)				
Cd (mg/kg)				
Pb (mg/kg)				
E. coli (cfu/g)				
Salmonella (cfu/25g)				

2. Biên bản này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản sẽ lưu kèm theo Phiếu kết quả phân tích mẫu.

NGƯỜI MÃ HÓA MẪU

(Ký, họ tên)



Đoàn Tuấn Linh

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 25V02TND02645-02

Ngày: 08/04/2025

Đơn vị yêu cầu và gửi mẫu:	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản
Tên mẫu theo khai báo:	Nguyên liệu
Ký hiệu mẫu:	33804
Ngày nhận mẫu:	03/04/2025
Ngày trả kết quả:	08/04/2025

I. Tình trạng mẫu

Mẫu được bao gói kín, khoảng 500g, do khách hàng mang đến

II. Kết quả thử nghiệm

STT	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	Phương pháp thử
1	Aflatoxin B1 ⁽¹⁾	µg/kg	KPH (LOQ:1.5)	TCVN 9126:2011

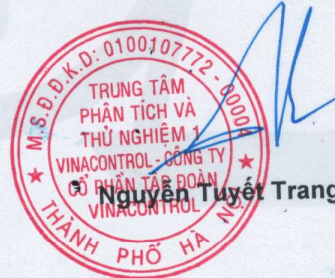
Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận phân tích;
- Các chỉ tiêu đánh dấu ⁽¹⁾ đã đăng ký hoạt động; - ⁽²⁾ chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên đơn vị yêu cầu là do đơn vị yêu cầu cung cấp; KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng.
- Khi sao chép phải đảm bảo toàn vẹn nội dung phiếu kết quả này trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm.

VINACONTROL - TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ THỬ NGHIỆM 1 PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÂN TÍCH VIÊN

Lê Hoàng Đức



QLF-13.01/VNC (VN)

This certificate/report is the intellectual property of Vinacontrol; issued solely to Vinacontrol's Client on the basis of agreed requirements between Vinacontrol and Client; and, in accordance with the "General Terms and Conditions of Service" published at <http://www.vinacontrol.com.vn/cat/general-terms-and-conditions>. Any unauthorized copy, alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is illegal and violators may be prosecuted to the law.

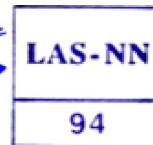
Chứng thư/kết quả này là tài sản trí tuệ thuộc sở hữu của Vinacontrol, được phát hành dành riêng cho khách hàng của Vinacontrol, trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Vinacontrol và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải tại <http://www.vinacontrol.com.vn/cat/dieu-khoan-chung>. Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Bản sửangày.. thay thế cho.....



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 3525/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Đoàn Tuấn Linh
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Đoàn Tuấn Linh
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 9162504148
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 02/04/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 02/04/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Compound Premix C607 For Fish (BNNPTNT2925003 3632)	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	0,77	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*) (**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*) (**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 05/04/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.